

MỘT SỐ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ CỦA GI.LÓCCƠ: THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

ĐINH NGỌC THẠCH (*)

Trong bài viết này, tác giả đã chỉ ra và luận giải thực chất và ý nghĩa lịch sử trong một số tư tưởng triết học chính trị của Gi.Lốccơ trên cơ sở so sánh quan điểm của Gi.Lốccơ với quan điểm của các nhà triết học trước và sau ông. Đó là những tư tưởng về nhà nước pháp quyền với tư cách sản phẩm tất yếu của xã hội công dân, về quyền con người, về mối quan hệ giữa quyền và luật pháp, về sự phân quyền trong quyền lực nhà nước, về sự tự do của công dân.



thức pháp quyền với tư cách một hình thái đặc thù của ý thức xã hội đã xuất hiện từ thời cổ đại, gắn với hoạt động mang tính xã hội của con người, song nhà nước pháp quyền lại là thành quả của cách mạng tư sản, là sự thể hiện tất yếu quá trình thể chế hóa quyền công dân trong điều kiện thiết lập một kiểu quyền lực Nhà nước khác với chế độ phong kiến vốn mang nặng tính đẳng cấp, tính huyết thống, tình trạng đạo đức hóa chính trị và sự chuyên quyền. Một trong những nhà tư tưởng đóng vai trò gọi mở và đặt nền móng cho quan niệm về nhà nước pháp quyền – nhà nước được xác lập trên nền tảng của xã hội công dân, gắn bó chặt chẽ với xã hội ấy, thậm chí còn đồng nhất với nó – là Gi.Lốccơ (John Locke, 1632 – 1704), người được coi là “đứa con của cuộc cách mạng 1688” tại Anh (cuộc cách mạng thể hiện sự điều chỉnh hợp lý giữa quá khứ và hiện tại trong đời sống chính trị và phương thức tổ chức quyền lực). Từ Lốccơ đến phong trào Khai sáng thế kỷ XVIII tại Pháp, vấn đề quyền con người và quyền công dân ngày càng được cụ thể hóa, mang dấu ấn đậm nét của sự chuyển biến lịch sử, báo trước kỷ nguyên giải phóng con người và sự thăng hoa của tự do trên thế giới trần tục, hiện thực, bằng phương tiện hiện thực.

Thế kỷ XVII – XVIII được coi là thời đại của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập nhà nước pháp quyền tư sản. Vào thời đó, theo Ph.Ăngghen, lý trí trở thành chuẩn mực, thành vị quan tòa công minh xét đoán mọi hành vi con người và các nhà tư tưởng “đã kêu gọi đến lý tính với tư cách là vị quan tòa duy nhất xét xử tất cả những cái hiện tồn... Họ đòi hỏi phải dựng lên một nhà nước hợp lý tính, một xã hội hợp lý tính; đòi phải loại bỏ không thương xót tất cả những gì trái với lý tính vĩnh cửu”(1). Họ đối lập hình ảnh “con người lý trí” và “nhà nước hợp lý tính” với chế độ phong kiến chuyên chế như “nhà nước phi lý” và do đó, “phi nhân tính”. Từ trực chính này, họ triển khai phân tích những *tổ chất người* căn bản, cần thiết trong quá trình thực hiện các phương án cải tổ đời sống xã hội theo mô hình của lý trí. Đối với các nhà tư tưởng cận đại, việc làm sáng tỏ các *tổ chất người* là cơ sở để đi đến khẳng định các quyền thiêng liêng của con người nói chung, quyền công dân nói riêng trong một xã hội mới, khi những chướng ngại do chế độ phong kiến tạo ra bị loại bỏ vĩnh viễn.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Phó trưởng Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 356.

Mâu thuẫn giữa cách mạng và phản động, giữa tiến bộ và bảo thủ được đặc trưng bởi mâu thuẫn giữa lý trí và phi lý, giữa nhân tính và phi nhân tính. Cách mạng tư sản là sự giải đáp một phần câu đố của lịch sử về vị trí của con người trong thế giới, về thế giới của chính con người dưới hình thức chế độ nhà nước với tư cách sản phẩm tự do của con người. C.Mác đã nói về vấn đề này như vậy vào cuối năm 1843, khi ông đang trong quá trình chuyển từ lập trường dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa xã hội khoa học(2)... Lốccơ là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu đưa ra lời giải đáp ấy.

Tại nước Anh, ở đêm trước và trong quá trình diễn ra cách mạng tư sản, đã hình thành “phương án Anh” của chủ nghĩa duy vật với Ph.Bêcơn (F.Bacon, 1561 - 1626), T.Hốpxơ (T.Hobbes, 1588 - 1679) và Gi.Lốccơ. Ngoài các vấn đề bản thể luận, nhận thức luận, cả ba nhà tư tưởng này đều dành cho lĩnh vực chính trị một sự quan tâm đặc biệt, phản ánh nhu cầu của một xã hội đang đi vào kỷ nguyên phát triển mới. Nước Anh cũng là diễn đàn của những cuộc tranh luận và điều chỉnh thường xuyên cách tiếp cận về nhà nước “hợp lý tính”. Nếu Bêcơn chủ trương “chính trị kỹ trị” với ý tưởng xác lập nhà nước lý tưởng dựa trên quyền lực của tri thức(3), thì Hốpxơ và Lốccơ lại tập trung vào hiện thực nước Anh để xây dựng quan điểm chính trị thích hợp. Với Bêcơn, tri thức phải trở thành quyền lực, còn Hốpxơ và Lốccơ lại đòi hỏi quyền lực cũng phải trở thành quyền lực được tri thức hóa hay “công nghệ quyền lực” mà muốn như vậy, nó cần phải xuất phát từ sự hiểu biết bản chất con người. Vào thời đó, từ “tự nhiên” trở nên phổ biến trong ngôn ngữ của tri thức, thậm chí còn được vận dụng vào cả lĩnh vực thẩm mỹ, đạo đức, chính trị và pháp quyền. “Tự nhiên” thống nhất với “lý trí”, quyền tự nhiên trở thành quyền

thiên lương, vì nó dựa trên nền tảng của lý trí, được thẩm định bởi lý trí, chứ không phải uy quyền, niềm tin hay sự mặc khải tôn giáo. Trong tư tưởng chính trị – pháp quyền đã hình thành phương án *Khế ước xã hội* – một cách giải thích về nguồn gốc của nhà nước, của luật pháp và quyền con người, cũng như về mô thức chính trị lý tưởng dựa trên sự nhận thức xu thế vận động của xã hội.

Trước hết, từ việc thừa nhận các quyền cơ bản của con người do Hốpxơ nêu ra trong lý luận về quá trình chuyển biến từ *trạng thái tự nhiên* sang *trạng thái công dân*, Lốccơ đã điều chỉnh theo tinh thần *thể chế hóa* quyền con người trong môi trường xã hội công dân thành quyền công dân, quyền được thừa nhận trong trạng thái tự nhiên thành quyền được hợp pháp hóa trong *nhà nước* hay *trạng thái công dân*. Thực chất vấn đề này là như thế nào?

Sự khác nhau giữa Hốpxơ và Lốccơ trong học thuyết khế ước xã hội phản ánh sự khác nhau về những thời kỳ lịch sử đầy bi kịch của nước Anh. Tư tưởng chính trị – pháp quyền của Hốpxơ ra đời trong bối cảnh nước Anh rơi vào tình trạng nội chiến “huynh đệ tương tàn” giữa các phe phái. Liên tưởng trạng thái này với trạng thái thú vật, trạng thái ngoài xã hội, tức trạng thái tự nhiên (*status naturalis*), nơi diễn ra quan hệ “người với người là chó sói”, “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”, Hốpxơ đã coi đó là trạng thái “thuần khiết” nhất, là nơi ngự trị của quyền tự nhiên, nơi dục vọng không chịu sự kiểm soát của đạo đức và do vậy, quá trình chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái công dân (*status civilis*) cũng có nghĩa là *tự nguyện hy sinh tự do hình thức* để tránh xung đột, đảm bảo sự ổn định xã hội và duy trì hòa bình

(2) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.1, tr.340.

(3) Xem: <http://www.marxist.org/reference/archive/bacon/1626/new-atlantis>.

với tư cách “quy tắc chung của lý trí”. Như vậy, *quyền* được thay bằng *luật*. Bản thân luật cũng mang tính tự nhiên, nhưng là sự chế ước đối với quyền, là phương tiện điều tiết hành vi con người. Với quan niệm này, Hốpxơ đòi hỏi phải phân biệt *quyền* và *luật* (jus và lex), bởi quyền và luật khác nhau, tương tự như tự do và nghĩa vụ và “nơi tự do kết thúc, thì nghĩa vụ bắt đầu”(4). Luật tự nhiên, theo cách lý giải của Hốpxơ, cũng là luật đạo đức và là cơ sở của luật công dân. Nhưng, trên tất cả là luật thiêng liêng, luật do Thượng đế ban cho loài người. *Thần linh pháp quyền* đã xuất phát từ cách đặt vấn đề như thế(5).

Xem quyền lực chuyên chính là sự đảm bảo tự do cho các công dân, Hốpxơ đưa ra phương án lý tưởng là chuyển quyền sang tay một Đấng chúa tể – nhà vua và ông biện minh cho thứ tự do bị giới hạn đó là *tự do phù hợp với tính tất yếu*. Thể hiện Đấng chúa tể bằng hình ảnh *Leviathan* – một thủy quái có sức mạnh vạn năng, vua của muôn loài(6), Hốpxơ cho rằng, quyền lực tối cao phải sử dụng *thanh kiếm công lý* để trấn áp những hành vi độc đoán, gây hại cho xã hội và loại bỏ đặc quyền ở một bộ phận công dân.

Hốpxơ tự hào tuyên bố mình đã thành công trong việc xác lập “công nghệ quyền lực” dựa trên sự hiểu biết bản chất con người. Song, sự hiểu biết đó mới chỉ là một phía. Sự vận động lịch sử tiếp theo đòi hỏi phải điều chỉnh học thuyết chính trị – pháp quyền do Hốpxơ thiết kế nhằm đem lại lời giải đáp xác đáng hơn cho vấn đề con người và công dân, cho mối quan hệ giữa quyền và luật pháp, giữa cá nhân và xã hội, giữa xã hội và nhà nước pháp quyền. Lốccơ đã đảm nhận trách nhiệm này vừa với tư cách đại biểu của duy cảm luận duy vật, vừa với tư cách “đứa con của cuộc cách mạng 1688”. Cống hiến của ông trong lĩnh vực

này đã góp phần đưa đến mô hình chính trị nước Anh hiện nay.

Lốccơ không chỉ kế thừa những mặt tích cực trong học thuyết Khế ước xã hội của Hốpxơ, nhất là khuynh hướng chống thần quyền, xoá bỏ đặc quyền, thượng tôn pháp luật, đề cao sự thống nhất và chủ quyền quốc gia, mà còn coi sự ổn định chính trị và hòa bình là cơ sở để phát triển kinh tế và đưa ra quan niệm mới về quyền con người, quyền công dân.

Cũng như Hốpxơ và các nhà tư tưởng khác ở thế kỷ XVII – XVIII, Lốccơ coi xã hội như một cơ chế được hình thành từ các cá thể tự chủ và có năng lực tự hoàn thiện. Theo ông, xã hội đã tồn tại một cách tự nhiên trước khi xuất hiện nhà nước như một “cơ thể nhân tạo” do sự thỏa thuận của nhân dân, trong đó có sự thỏa thuận về tính chất và cơ chế tổ chức đời sống xã hội, phương thức quyền lực nhà nước. Từ sự thỏa thuận chung, bộ máy quyền lực được xác lập một cách hợp pháp, nhà cai trị trở thành người đứng đầu nhà nước với sự đồng thuận của nhân dân. *Nhân dân là đại diện chân chính của lịch sử*, là Đấng chúa tể, còn người đứng đầu nhà nước chỉ là người thể hiện ý chí của nhân dân. Nhân dân sẵn sàng phế truất nhà cai trị, người đứng đầu nhà nước một khi lợi ích của họ không được đảm bảo, danh dự của họ bị xâm hại, nguyện vọng của họ bị xem thường.

Lốccơ thừa nhận quan điểm của Hốpxơ về trạng thái tự nhiên như trạng thái của “tự do, tự chủ và bình đẳng”(7), về sự thay thế trạng thái tự nhiên bằng trạng thái công dân, tức nhà nước. Tuy nhiên, nếu Hốpxơ mô tả trạng thái tự nhiên của con

(4) T.Hốpxơ. *Tác phẩm*, t.1. Mátxcova, 1989, tr. 298.

(5) Xem: T.Hốpxơ. *Tác phẩm*. Sdd., t.1, tr. 415.

(6) Xem: *Kinh Thánh, Cựu ước, sách Gióp*, tiết 41, đoạn 25.

(7) Gi.Lốccơ. *Tác phẩm triết học chọn lọc*, gồm 2 tập, t.2. Nxb Tư tưởng, Mátxcova, 1960, tr. 56 (tiếng Nga).

người như trạng thái “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”, “người với người là chó sói”, còn bình đẳng và tự do trong trạng thái tự nhiên chỉ mang tính hình thức, thì Lốccơ lại xem trạng thái ấy là thiên đường trên mặt đất, là cuộc sống hòa bình, phù hợp với các luật tự nhiên. Nếu Hốpxơ cho rằng, trong trạng thái tự nhiên, bản năng lấn át lý trí, thì Lốccơ lại không cho là như vậy. Theo ông, lý trí, dù ở trạng thái nào, cũng đều là đặc trưng mang tính bản chất của con người. “Lý trí tự nhiên” dạy con người sống bình đẳng và độc lập như nhau; không ai được phép làm hại người khác ở phương diện sự sống, sức khỏe, tự do và tài sản; đồng thời không cho phép ai chà đạp lên quyền của người khác(8). Một trong những quyền tự nhiên mà Lốccơ nhắc đến trong trường hợp này là *quyền trừng phạt*: tự nhiên cho phép mỗi người có quyền tự vệ và bảo vệ người khác khỏi mọi sự hiếp đáp và làm nhục. Được chi phối bởi lý trí, quyền ấy trở nên vô tư, không rơi vào thành kiến, thiên vị và cảm tính, không bị lôi cuốn bởi sự đố kỵ, thù hận và do vậy, sự trừng phạt phải “đúng người đúng tội”. Với quan niệm này, Lốccơ cho rằng, quá trình chuyển tiếp từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái công dân không nhất thiết phải trả giá bằng sự cắt giảm tự do cá nhân và nhu cầu vật chất mà ngược lại, các quyền tự nhiên khi chuyển sang trạng thái công dân phải được hợp pháp hóa, thể chế hóa, tức là được *pháp luật* thừa nhận và bảo vệ. Và, theo ông, đó là những quyền bền vững và vĩnh viễn.

Sự điều chỉnh nói trên của Lốccơ có ý nghĩa đặc biệt, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị – pháp quyền. Các nhà Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đã đón nhận cách tiếp cận ấy như một sự gọi mở tích cực trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến chuyên chế, cổ súy cho khát vọng dân chủ và tự do công dân. Hốpxơ lấy ổn định chính trị làm điểm

xuất phát cho sự luận giải về quyền lực mạnh - quyền lực tập trung trong tay một Đấng chúa tể. Ngược lại, khi coi sức mạnh của quyền lực là ở nhân dân, Lốccơ đã khẳng định sự ổn định chính trị không phải do nhà cai trị, mà là do nhân dân quyết định. Còn khi phân tích cơ chế quyền lực phục vụ nhân dân, ông đã cho rằng, bản chất con người là do Thượng đế tạo ra và do vậy, nó quy định bản chất xã hội. Theo ông, dành cho con người mọi khả năng của tự do cũng có nghĩa là sự hiểu biết đúng đắn về bản chất con người; còn sở hữu là cơ sở của tự do cá nhân, là nguyên nhân đầu tiên của sự ra đời nhà nước và con người sinh ra vốn đã được tự do nên họ sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách để thể hiện mình như một chủ thể tự do.

Như vậy, từ quan điểm đó của Lốccơ, chúng ta có thể khẳng định rằng, nơi nào và khi nào tự do bị “đặt thành vấn đề”, thì các phong trào đòi tự do bùng nổ, hình thành nên các biến thể khác nhau của chủ nghĩa tự do (Liberalism) và do vậy, sau này, C.Mác đã coi tự do như một giá trị “có tính loài tự nhiên” thiêng liêng nhất của con người(9).

Nhà nước, theo Lốccơ, được xác lập nhằm đảm bảo các quyền của con người, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu. Trong quyền tự do, Lốccơ nhấn mạnh tự do lao động, tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng. Nói về quyền sở hữu, khi đề cao tư hữu gắn với khả năng của mỗi cá nhân và do Thượng đế ban tặng để làm chủ Trái đất này, Lốccơ đã coi việc bảo vệ quyền sở hữu của con người là mục đích cao cả và căn bản nhất của quá trình hợp nhất con người trong nhà nước(10). Với

(8) Xem: *The English Philosophers from Bacon to Mill*. The Modern Library, New York, 1959, p. 404.

(9) Xem: C. Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 42, tr. 166.

(10) Xem: G.Lốccơ. *Tác phẩm*, gồm 3 tập, t.3. Nxb Tư tưởng, Mátxcova, 1991, tr. 334 (tiếng Nga).

ông, các quyền ấy vừa là quyền tự nhiên, vừa là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của con người. Và, khác với Hốpxơ, ông khẳng định trạng thái tự nhiên không phải là trạng thái đầy đoạ con người, mà là trạng thái hỗn nhiên, thuần phát, hòa bình của con người; trong trạng thái này, con người luôn cảm thấy *sung sướng* và khi chuyển sang trạng thái công dân, tức nhà nước, họ thấy sung sướng hơn bội phần(11). Cuối cùng, theo Lốccơ, do chỗ mọi người đều là “những đứa trẻ của Adam”, nên họ đều bình đẳng như nhau trong về phương diện sinh tồn, tức là đều có quyền sống và không phải chịu bất kỳ sự áp bức nào. Trong *Tiểu luận về sự bắt đầu, mở rộng và kết thúc thực sự của chính quyền dân sự* (An essay Concerning the True Original, Extent, and End of Civil Government), Lốccơ khẳng định: “Không thể có những kẻ thống trị trên trái đất này” “không thể chấp nhận tình trạng nhà nước là sản phẩm của bạo lực”, “cần bảo vệ những gì Thượng đế ban tặng con người”(12). Không chỉ đề cao con người cá nhân, Lốccơ còn khẳng định ưu thế của xã hội trước nhà nước. Theo ông, trong quan hệ với xã hội, nhà nước không phải là *cái đầu* định hướng cho xã hội, mà là *cái nón* và cái nón này có thể được lấy ra bất cứ khi nào cần thiết. Rằng, xã hội tồn tại vĩnh viễn, còn nhà nước chỉ là *cơ thể nhân tạo*, được hình thành từ sự thỏa thuận tự nguyện của mọi người vì lợi ích chung(13).

Như vậy, có thể nói, xuất phát điểm trong tư tưởng chính trị – pháp quyền của Lốccơ là quan niệm coi trạng thái công dân hay nhà nước là sự kế thừa và củng cố các quyền con người đã có trong trạng thái tự nhiên. Điểm xuất phát này đã tạo nên sự khác biệt cơ bản giữa ông và Hốpxơ trong quan niệm về bản chất và chủ thể quyền lực của nhà nước. Nếu Hốpxơ thiên về quyền lực chuyên chế hùng mạnh như sự

đảm bảo hòa bình và ổn định, thì Lốccơ đòi hỏi một quyền lực chính trị đảm bảo các quyền công dân. Nói cách khác, với Lốccơ, quyền con người và quyền công dân phải thống nhất với nhau. Từ quan niệm này, ông đã dành cho *thuyết phân quyền* trong quyền lực nhà nước một ý nghĩa đặc biệt. Theo ông, hai nhánh quyền lực chính là *quyền lập pháp* và *quyền hành pháp*. Quyền lập pháp là quyền làm ra luật để quản lý con người trong một quốc gia, để duy trì trật tự xã hội và cuộc sống bình yên của công dân; còn quyền hành pháp là quyền bảo đảm việc thi hành các luật bên trong quốc gia. Ngoài ra, còn có một quyền khác gắn với quyền hành pháp là *quyền bang giao*. Quyền này có chức năng thông qua các hiệp ước hòa bình và chiến tranh. Lốccơ không coi *tư pháp* như một nhánh quyền lực, mà đưa chức năng phán xử về cơ quan hành pháp. Các nhánh quyền lực này, theo ông, phải thuộc về những người khác nhau, thực hiện các chức năng tương đối độc lập để tránh xu hướng độc tài, nhưng giữa chúng không có sự bình đẳng hoàn toàn. Quyền lập pháp xem là quyền tối cao, vì luật đầu tiên của mọi quốc gia là luật thiết lập quyền lập pháp. Nó là linh hồn của một thể chế chính trị, là căn cứ để mỗi công dân dựa vào đó tự điều chỉnh hành vi của mình nhằm đạt đến một cuộc sống hạnh phúc, để tự bảo tồn và liên kết với những công dân khác trong một xã hội tự do nhưng có kỷ cương. Quyền hành pháp có tính chất phụ thuộc, song không nên hiểu tính chất này một cách đơn giản. *Một mặt*, người nắm giữ quyền hành pháp phải dựa vào khung pháp lý chung; *mặt khác*,

(11) Xem: J.J.Chevallier. *Những danh tác chính trị* (Bản dịch của Lê Thanh Hoàng Dân). Nxb Trẻ, Sài Gòn, 1974, tr. 142.

(12) *The English Philosophers from Bacon to Mill*. Ibid., p. 403.

(13) Xem: K.X. Gátgiév. *Triết học chính trị*. Nxb Kinh tế, Mátxcova, 1999, tr. 71 (tiếng Nga).

không phải lúc nào quyền lập pháp cũng quán xuyến mọi thứ. Do vậy, quyền hành pháp không chỉ là điều hành công việc, mà còn là góp phần làm ra những luật cụ thể và điều chỉnh những luật ấy. Luật phải được cập nhật, mà muốn cập nhật phù hợp với biến đổi của thực tiễn thì lại phải cần đến những chất liệu từ cơ quan hành pháp. Hơn nữa, mặc dù quyền lập pháp được coi là quyền tối cao và thiêng liêng, nhưng vẫn không được phép vượt quá xa so với quyền lợi của các công dân. Mọi người dân đều phải tin vào cơ quan lập pháp và hành pháp để hiện thực hóa quyền công dân của chính mình. Không phải cơ quan lập pháp, mà nhân dân mới là người nắm giữ quyền lực thực sự.

Trong triết lý chính trị của mình, Lốccơ còn nói đến nhà vua như một đại diện cho quyền hành pháp. Đó là biểu hiện của sự dung hòa chính trị trong “cuộc cách mạng quang vinh” năm 1688. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, Lốccơ xứng đáng được coi là người sáng lập chủ nghĩa tự do tư sản tại Anh. Cách đặt vấn đề của ông về quyền con người thống nhất với quyền công dân, về nguyên tắc phân quyền có thể được coi là sự gợi mở đầy ý nghĩa cho tư tưởng Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII.

Nói về tầm ảnh hưởng của Lốccơ đối với phong trào Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, C.Mác đã khẳng định: “*Chủ nghĩa duy vật Pháp có hai phái: một phái bắt nguồn từ Đécacơ, một phái bắt nguồn từ Lốccơ. Phái thứ hai thì chủ yếu là một yếu tố của văn hóa Pháp và trực tiếp dẫn tới chủ nghĩa xã hội; còn phái kia là chủ nghĩa duy vật máy móc, nó hòa vào trong khoa học tự nhiên Pháp*”(14). Chúng ta có thể tìm thấy dấu ấn của Lốccơ trong F.M.Vôngte (F.M.Voltaire, 1694 – 1778), Ch.L.Môngtécxiơ (Ch.L.Montesquieu, 1689 – 1755) – những người mở đường, thế hệ thứ nhất của phong trào Khai sáng Pháp, và J.J.Rút-xô (J.J.Rousseau, 1712 – 1778) – đại

biểu cấp tiến nhất của phong trào này. Quan điểm chính trị tích cực và tiến bộ của Lốccơ phù hợp với giai cấp tư sản Pháp trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng “tự do – bình đẳng – bác ái”. Các nhà Khai sáng Pháp đã đón nhận quan điểm chính trị của Lốccơ ngay từ luận điểm xuất phát, nghĩa là từ cách hiểu về “trạng thái tự nhiên”. Điểm xuất phát ấy là: không phải chiến tranh, mà hòa bình, bình đẳng, tự do thực sự, chứ không phải mang tính hình thức như Hốpxơ suy nghĩ, là *luật tự nhiên đầu tiên*(15). Kế thừa di sản tư tưởng của Lốccơ, Vôngte, Môngtécxiơ và Rút-xô đã tạo nên một con đường mà theo đó, các thời đại tiếp theo có thể hoàn thiện thêm và mở ra những hướng đi mới. Trong không gian chính trị mới, các quyền của con người được thẩm định và nhân rộng cùng với nhu cầu phát triển tiến bộ. Cách mạng Pháp năm 1789 là nỗ lực hiện thực hóa các quyền ấy, cũng có nghĩa là hiện thực hóa lý tưởng của các nhà Khai sáng, từ Anh đến Pháp. Quan niệm về tự do ở Lốccơ đã được Vôngte đón nhận và phổ biến vào các khía cạnh cụ thể của đời sống con người, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa. Đối với Vôngte, cuộc sống thực sự, cuộc sống tự nhiên của con người là cuộc sống tự do. Cũng như Lốccơ, Vôngte đã bảo vệ tự do cá nhân, trong đó có tự do chính trị, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do lao động. Rút-xô thì nhấn mạnh “ý chí chung” của nhân dân như quyền lực tối cao trực tiếp(16). Có thể nói, các quyền công dân, từ quan niệm của Lốccơ đến quan niệm của Môngtécxiơ và Rút-xô, đã có sự kế thừa và phát triển đáng

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.2, tr. 191.

(15) Ch.L.Mongtesquieu. *Tinh thần pháp luật* (Bản dịch của Hoàng Thanh Đạm). Nxb Giáo dục & Khoa Luật, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 1996, tr. 44.

(16) Xem: J.J.Rousseau. *Bàn về kế ước xã hội* (Bản dịch của Thanh Đạm). Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 156.

kể, với xu hướng chung là các quyền phải chuyển từ trình độ tự phát (quyền phú bẩm ở tất cả mọi người) đến trình độ tự giác (nhận thức về quyền và thực hiện quyền trong xã hội công dân, tức các quyền cơ bản của mỗi công dân).

Dấu ấn của Lốccơ được thể hiện một cách sinh động và sâu sắc ở tư tưởng chính trị – pháp quyền của Môngtécxiơ. Mối liên hệ lịch sử giữa Lốccơ và Môngtécxiơ là mối liên hệ phát triển. Có thể nhận thấy ở Môngtécxiơ nhiều điểm mới so với Lốccơ (và cả Hốpxơ) trong quan điểm chính trị – pháp quyền, tập trung trong *Tinh thần pháp luật* – tác phẩm chủ đạo của ông. Đó là: *thứ nhất*, lần đầu tiên trong lịch sử, Môngtécxiơ đã phân biệt các vấn đề chính trị với các vấn đề “dân sự” và nhờ đó, đã phân định rõ ràng theo *quan điểm thực tiễn* các lĩnh vực của quan hệ công dân, cụ thể hóa các quyền công dân trong hệ thống pháp luật. *Thứ hai*, vấn đề tự do được Môngtécxiơ phân tích từ *mối quan hệ biện chứng giữa quyền và luật* trên cơ sở kế thừa có chọn lọc quan điểm của Lốccơ. *Thứ ba*, đóng góp to lớn của Môngtécxiơ vào lý luận về nhà nước pháp quyền là ở sự phân tích của ông về nguyên tắc phân quyền, từ đó đưa ra quan niệm về *mối quan hệ biện chứng giữa các quyền*. Theo ông, các nhánh quyền lực không chỉ tồn tại tương đối độc lập với các chức năng đặc trưng của mình, mà còn liên hệ, chi phối và kiểm soát lẫn nhau để tránh lạm dụng quyền lực⁽¹⁷⁾. Ông cho rằng, sự lạm quyền chỉ có thể được ngăn chặn nếu thông qua nguyên tắc phân quyền mà “quyền hành ngăn cản được quyền hành”, nghĩa là các quyền làm đối trọng lẫn nhau.

Với bước ngoặt cách mạng do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện vào những năm 40 của thế kỷ XIX, lịch sử tư tưởng, theo Đ.Benxaidơ, đã bước sang một trang mới với “cách viết mới về lịch sử”⁽¹⁸⁾, hay quan

niệm duy vật về lịch sử. Cách tiếp cận khoa học về lịch sử tư tưởng đòi hỏi chúng ta phải xác định những đóng góp của quá khứ, rút ra những giá trị và những bài học cho hôm nay theo quy luật kế thừa và phát triển, làm sống lại những gì là tích cực của quá khứ để chúng tiếp tục gia nhập vào cái toàn thể đang vận động tiến về phía trước. Giôn Lốccơ và các nhà tư tưởng thế kỷ XVII – XVIII đã thuộc về quá khứ, nhưng những quan niệm mang tính gợi mở tích cực của các ông vẫn luôn xứng đáng được tìm hiểu, học hỏi, hiện thực hóa trong cuộc sống hiện tại. Nói cách khác, lý tưởng chính trị mà các ông đã đưa ra trong cuộc đấu tranh vì các quyền cơ bản của con người và công dân, vì sự chiến thắng của “con người lý trí” và “nhà nước hợp lý tính” vẫn đang là mục tiêu phấn đấu của nhiều dân tộc.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước của dân, do dân và vì dân mà chúng ta đang xây dựng chính là sự kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo các giá trị và kinh nghiệm lịch sử của nhân loại được tích lũy qua hàng trăm năm. Các giá trị và kinh nghiệm đó đang tiếp tục chịu sự thẩm định, sự phản biện của thực tiễn luôn biến đổi. Song, có những giá trị bền vững đã vượt ra khỏi khuôn khổ của mỗi thời đại để trở thành tài sản vô giá, thành thông điệp thiêng liêng, gắn kết các dân tộc trong một thế giới mở, một thế giới mà tinh thần khoan dung văn hóa thay cho sự thù địch và định kiến, hội nhập thay cho tình trạng cô lập, đối thoại thay cho đối đầu,... Một trong những cái làm nên giá trị đó là những quan điểm tiến bộ trong tư tưởng triết học chính trị của Gi.Lốccơ. □

(17) Ch.L.Montesquieu. *Tinh thần pháp luật*. Sđd., tr. 46, 99, 100 - 113.

(18) Xem: Đanien Benxaidơ. *Mác - người vượt trước thời đại* (Bản dịch của Phạm Thành, Nguyễn Văn Hiến, Lê Xuân Tiêm). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 20 - 21.